

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 18/2018/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 10 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15 /2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2018 và thay thế các quyết định: Quyết định số 2348/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cao Bằng; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cao Bằng (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;
2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp;
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Việc phối hợp quản lý nhà nước về cụm công nghiệp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao về: Quy hoạch, bổ sung quy hoạch (hoặc phương án phát triển các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh); thành lập và mở rộng cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp và quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phương thức phối hợp

Căn cứ vào kế hoạch, chương trình hoạt động liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp do các cơ quan quản lý chuyên ngành lập hoặc được giao hàng năm, cơ quan quản lý chuyên ngành thông báo nội dung để Sở Công Thương tổng hợp, làm cơ sở bố trí phối hợp thực hiện quản lý cụm công nghiệp trong năm. Đối với các chương trình công tác đột xuất, các cơ quan chuyên ngành thông báo với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp thực hiện.

Các quyết định, văn bản, hướng dẫn, xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp thì cơ quan chủ trì gửi Sở Công Thương 01 bản để tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Quá trình thực hiện các nội dung phối hợp do một cơ quan chủ trì và một hoặc nhiều cơ quan khác tham gia phối hợp giải quyết công việc. Căn cứ vào tính chất, nội dung của công việc, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng các phương thức phối hợp sau:

a) Tổ chức làm việc tập trung thông qua các cuộc họp trực tiếp để các bên tham gia thảo luận, thống nhất và ghi nhận kết quả làm việc bằng biên bản hoặc thông báo kết luận làm việc;

b) Cơ quan chủ trì gửi hồ sơ, tài liệu liên quan để cơ quan phối hợp nghiên cứu có ý kiến trả lời bằng văn bản về công việc cần phối hợp;

c) Thành lập đoàn kiểm tra, rà soát liên ngành gồm thành viên của các cơ quan liên quan để triển khai nội dung công việc;

d) Cơ quan phối hợp cung cấp thông tin chuyên ngành về cụm công nghiệp đến cơ quan chủ trì để theo dõi;

đ) Cơ quan chủ trì có thể phối hợp các hình thức giải quyết trên để đạt hiệu quả cao nhất trong công việc.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp được hưởng các ưu đãi quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng chính sách ưu đãi, phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết theo phân cấp hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Công Thương

a) Là đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

b) Chủ trì hoặc phối hợp các đơn vị xây dựng, trình và tổ chức thực hiện quy hoạch (hoặc phương án phát triển các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh), quy định, quy chế, các chính sách, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án xây dựng

hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, các thủ tục triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm: Thu hồi đất, cho thuê đất, phê duyệt quy hoạch chi tiết, phê duyệt dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy) theo quy định, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch (hoặc phương án phát triển các cụm công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh), chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm, vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp;

đ) Hỗ trợ các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp về khuyến công, xúc tiến thương mại và tiết kiệm năng lượng;

e) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình cụm công nghiệp; đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nhu cầu sử dụng đất của cụm công nghiệp trong từng giai đoạn; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh các dự án đầu tư xây dựng hoặc hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

c) Tổng hợp, bổ sung các cụm công nghiệp vào danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, danh mục ngành, nghề đủ điều kiện vào danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và hướng dẫn để thực hiện.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện phát triển cụm công nghiệp;

b) Hàng năm, căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, tham mưu UBND tỉnh thực hiện phân bổ dự toán kinh phí và quyết toán theo quy định hiện hành.

4. Sở Xây dựng

Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn xây dựng, trình tự lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng và hoạt động cấp phép xây dựng trong phạm vi cụm công nghiệp.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ngành và UBND cấp huyện thực hiện công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp;

b) Rà soát, tổng hợp, công bố danh mục các cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh và đề xuất các biện pháp khắc phục;

c) Trên cơ sở quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp đã được duyệt, hướng dẫn trình tự thủ tục đất đai; tiếp nhận hồ sơ, thẩm định trình UBND tỉnh quyết định thu hồi, giao đất, thuê đất cụm công nghiệp cho cơ quan quản lý cụm công nghiệp theo

quy định; kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng đất các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các thủ tục thuê đất, thuê lại đất cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật. Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phân cấp;

e) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, tổ chức việc thu phí bảo vệ môi trường trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức tuyên truyền các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý việc chấp hành quy định của pháp luật bảo vệ môi trường trong cụm công nghiệp.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Trung tâm phát triển cụm công nghiệp, Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương được giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn đánh giá trình độ công nghệ, thẩm định, giám định công nghệ, tư vấn và hỗ trợ đầu tư đổi mới, chuyển giao công nghệ đối với dự án đầu tư vào cụm công nghiệp; đồng thời thanh tra, kiểm tra về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp;

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp về thông tin khoa học công nghệ, đăng ký Sở hữu trí tuệ, xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, các hoạt động sáng kiến, sử dụng phương tiện đo và các hoạt động đảm bảo đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh.

8. Các sở, ban, ngành khác

Thực hiện phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hướng dẫn các vấn đề liên quan đến chuyên ngành, lĩnh vực phụ trách đối với hoạt động của cụm công nghiệp, tham gia xây dựng quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (hoặc phương án phát triển các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh).

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đề nghị quy hoạch hoặc phương án phát triển các cụm công nghiệp, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên địa bàn; đảm bảo các điều kiện cần thiết cho Trung tâm phát triển cụm công nghiệp hoặc Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoạt động hiệu quả;

b) Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phân cấp;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai đầu tư vào cụm công nghiệp;

d) Đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào trong cụm công nghiệp (gồm: Thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường) theo quy định, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Đầu tư hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp; phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường hoặc có nhu cầu sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp và hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn;

e) Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Công Thương về tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn.

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện thành lập cụm công nghiệp:

a) Có trong Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đã được duyệt (hoặc trong phương án phát triển các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh).

b) Có doanh nghiệp, hợp tác xã có tư cách pháp lý, có năng lực, kinh nghiệm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

c) Trong trường hợp địa bàn cấp huyện đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp nhỏ hơn 50 ha.

2. Điều kiện mở rộng cụm công nghiệp:

a) Không vượt quá 75 ha, có quỹ đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện;

b) Có doanh nghiệp, hợp tác xã có tư cách pháp lý, có năng lực, kinh nghiệm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

c) Đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 60% hoặc nhu cầu thuê đất công nghiệp trong cụm công nghiệp vượt quá diện tích đất công nghiệp hiện có của cụm công nghiệp;

d) Hoàn thành xây dựng, đưa vào vận hành thường xuyên các công trình hạ tầng kỹ thuật chung theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

3. Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Văn bản của doanh nghiệp, hợp tác xã đề nghị làm chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc văn bản của đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ

tầng kỹ thuật cụm công nghiệp kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp;

c) Bản sao giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu minh chứng tư cách pháp lý;

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 2 năm gần nhất của chủ đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của chủ đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của chủ đầu tư;

đ) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.

4. Nội dung chủ yếu Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp:

a) Căn cứ pháp lý, sự cần thiết, đánh giá sự phù hợp, đáp ứng các điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tác động của các khu công nghiệp trên địa bàn ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp;

b) Hiện trạng sử dụng đất, định hướng bố trí các ngành, nghề có tính liên kết, hỗ trợ trong sản xuất; cơ cấu sử dụng đất và dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp; đánh giá khả năng đấu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp;

c) Xác định mục tiêu, diện tích, địa điểm, phạm vi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; phân tích, lựa chọn phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật; phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); tiến độ thực hiện dự án phù hợp với thực tế và khả năng huy động các nguồn lực; kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư, di dời và tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp;

d) Đánh giá năng lực, tư cách pháp lý của chủ đầu tư; dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu, khả năng cân đối, huy động các nguồn vốn đầu tư (trong đó có nguồn vốn đầu tư công nếu có) để thực hiện dự án;

đ) Chi phí duy tu bảo dưỡng, vận hành hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, các chi phí liên quan khác; phương thức quản lý, khai thác sử dụng sau khi đi vào hoạt động;

e) Đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường;

g) Phân tích, đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội của cụm công nghiệp; các giải pháp tổ chức thực hiện.

5. Trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật có văn bản đề nghị kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Trong thời gian 5 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật lập 8 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (trong đó ít nhất có 2 bộ hồ sơ gốc), gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương hoàn thành thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

Trường hợp hồ sơ, nội dung Báo cáo thành lập, mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định;

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được 01 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và báo cáo thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc không quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được gửi Bộ Công Thương 01 bản.

Trường hợp cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 5 ha so với quy hoạch đã được thỏa thuận thì Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thống nhất với Bộ Công Thương trước khi phê duyệt.

6. Nội dung thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

- Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Nội dung, tính khả thi của Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp:

a) Căn cứ pháp lý, sự cần thiết, phù hợp, đáp ứng các điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

b) Tên gọi, diện tích, mục tiêu, ngành nghề hoạt động và lựa chọn phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

c) Năng lực, tư cách pháp lý của chủ đầu tư, tổng mức đầu tư, cơ cấu, khả năng cân đối và các giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư để hoàn thành hạ tầng kỹ thuật (nếu có nguồn vốn đầu tư công thì thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công);

d) Chi phí liên quan và phương thức quản lý, khai thác sử dụng hạ tầng kỹ thuật sau khi đi vào hoạt động;

đ) Giải pháp thu hút đầu tư, di dời và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường của cụm công nghiệp.

7. Nội dung chủ yếu Quyết định thành lập, Quyết định mở rộng cụm công nghiệp

a) Tên gọi, diện tích, địa điểm, ngành nghề hoạt động chủ yếu;

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

c) Quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư;

d) Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

đ) Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có);

e) Thời điểm có hiệu lực của Quyết định thành lập, Quyết định mở rộng cụm công nghiệp.

Điều 7. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết tại Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

2. Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành về xây dựng. Quy hoạch chi tiết xây dựng làm căn cứ lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

3. Kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp được cân đối trong kế hoạch ngân sách địa phương hàng năm; trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc nguồn vốn chuẩn bị đầu tư, được tính vào tổng mức đầu tư của dự án;

4. Việc xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng quy hoạch đô thị;

5. Lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch chi tiết xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu;

6. Trách nhiệm của các cơ quan

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn trước khi thu hút, di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư vào trong cụm công nghiệp. Nội dung quy hoạch chi tiết phải phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, có bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật;

b) Sở Xây dựng

Hướng dẫn lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp theo quy định về pháp luật xây dựng.

Điều 8. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Các cụm công nghiệp được thành lập, mở rộng theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của các cơ quan

3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Luật Đầu tư công;

b) Đề xuất kế hoạch vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp theo chính sách của Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh.

3.2. Sở Xây dựng

Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định về pháp luật xây dựng.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường đồng thời với lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm của các cơ quan

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo phân cấp hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, giám sát chủ đầu tư về xây dựng, thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường cụm công nghiệp đã được phê duyệt; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 10. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung thu hồi đất

Nội dung gồm: Mục đích, căn cứ, trình tự và thủ tục thu hồi đất.

a) Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng cụm công nghiệp theo quy định tại Điểm d, Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

b) Căn cứ thu hồi đất

- Theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;
- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án.

c) Trình tự, thủ tục thu hồi đất

Thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Cho thuê đất

Nội dung gồm: Điều kiện, thẩm quyền cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 58, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

3. Trách nhiệm của các cơ quan

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai đầu tư vào cụm công nghiệp; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phân cấp.

b) Các sở, ngành liên quan

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp liên hệ với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận về nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

2. Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện thủ tục thuê đất của nhà nước hoặc thuê lại đất đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Cấp giấy phép xây dựng trong cụm công nghiệp

Các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế thì được miễn giấy phép xây dựng.

Điều 12. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì việc quyết định cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, kho bãi, văn phòng và giá các loại dịch vụ công cộng, tiện ích khác do Sở Công Thương báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, đảm bảo tiến độ thực hiện trong dự án; trong trường hợp quá thời hạn quy định, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phải xin phép gia hạn và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đầu tư;

b) Duy tu, bảo dưỡng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động; cung cấp các dịch vụ, tiện ích phục vụ sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp (nếu có);

c) Bố trí nguồn nước đảm bảo phục vụ cho việc chữa cháy tại chỗ; bố trí đảm bảo khoảng cách an toàn với nguồn nhiệt, thiết bị điện, hệ thống ngăn cháy với các vật dễ cháy và khu vực lân cận của cụm công nghiệp;

d) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai, tài chính, kế toán, kiểm toán, lao động, tiêu chuẩn về xây dựng, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường;

đ) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục triển khai đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp;

e) Hàng năm báo cáo Sở Công Thương và công bố công khai diện tích đất chưa cho thuê, cho thuê lại trong cụm công nghiệp trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và của địa phương;

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh phải lập, thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Việc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh thực hiện theo kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được thực hiện thường xuyên không quá một lần trong một năm trừ khi có dấu hiệu vi phạm

pháp luật. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh gửi cơ quan thống kê trên địa bàn theo quy định của Luật Thống kê. Định kỳ hàng quý, năm, cơ quan thống kê trên địa bàn có trách nhiệm tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương để phối hợp quản lý.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

a) Sử dụng đất, triển khai dự án đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh đúng nội dung hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có); trường hợp quá thời hạn quy định phải báo cáo chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và cơ quan có thẩm quyền gia hạn theo quy định;

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, an toàn vệ sinh lao động, thống kê, bảo hiểm, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, nộp các khoản tiền sử dụng hạ tầng, dịch vụ công cộng, tiện ích khác theo thỏa thuận;

c) Tham gia tích cực vào việc thu hút lao động, giải quyết việc làm tại địa phương, ưu tiên lao động thuộc diện chính sách, hộ gia đình bị thu hồi đất để xây dựng cụm công nghiệp;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định pháp luật;

b) Chế độ báo cáo

Thực hiện theo điểm b, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương về quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Điều 14. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Sở Công Thương chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch (hoặc phương án phát triển các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh), chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm, vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp;

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Công Thương về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn;

3. Việc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh thực hiện theo kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được

thực hiện thường xuyên không quá một lần trong một năm trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp vi phạm pháp luật bị xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Công Thương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp, đánh giá báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Công Thương địa phương theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy chế, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời với Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh